

ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH VỀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

TS NGUYỄN QUỐC VINH

Khoa Khoa học Cơ bản, Trường Đại học Luật TP. HCM
Faculty of Fundamental Sciences, Ho Chi Minh City University of Law
Email: nqvinh@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết phân tích toàn diện vấn đề đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch liên quan đến chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số và cạnh tranh thông tin toàn cầu. Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Marx - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả khẳng định chính sách dân tộc của Việt Nam mang tính nhân văn, tiến bộ, dựa trên các nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau phát triển, được thể chế hóa trong Hiến pháp 2013 và cụ thể hóa qua Nghị quyết 24-NQ/TW cùng các chương trình mục tiêu quốc gia.

Từ khóa: chính sách dân tộc, dân tộc thiểu số, đấu tranh tư tưởng

Abstract

This article provides a comprehensive analysis of the struggle to refute distorted and hostile viewpoints concerning the ethnic policy of the Communist Party and the State of Vietnam in the context of digital transformation and global information competition. On the theoretical foundation of Marxism-Leninism and Hồ Chí Minh's thought, the author affirms that Vietnam's ethnic policy is humane and progressive, grounded in the principles of equality, solidarity, mutual respect, and mutual support for development. These principles are institutionalized in the 2013 Constitution and further concretized through Resolution No. 24-NQ/TW and various national target programs.

Keywords: ethnic policy, ethnic minorities, ideological struggle

Ngày nhận bài: 01/10/2025

Ngày duyệt đăng: 12/03/2026

Vấn đề dân tộc luôn giữ vị trí chiến lược trong toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam. Ngay từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định công tác dân tộc và chính sách dân tộc là bộ phận hữu cơ của đường lối cách mạng, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội và mục tiêu phát triển bền vững. Quan điểm cốt lõi này được khẳng định trong Nghị quyết số 24-NQ/TW (2003) và tiếp tục phát triển trong Văn kiện Đại hội XIII (2021), nhấn mạnh yêu cầu phát triển toàn diện vùng dân tộc thiểu số (DTTS), thu hẹp khoảng cách phát triển và bảo tồn bản sắc văn hóa trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.¹

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và truyền thông số, công tác dân tộc không chỉ là nhiệm vụ nội bộ của Nhà nước mà còn chịu sức ép từ môi trường thông

¹ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của BCH Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác dân tộc.

tin mở, nơi các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị có thể gia tăng lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền để xuyên tạc chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trái với các xuyên tạc đó, thực tiễn triển khai chính sách dân tộc cho thấy nhiều kết quả rõ rệt và bền vững, được khẳng định bởi công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế. Ví dụ, nghiên cứu của Nguyễn Quỳnh Hoa khẳng định tính hệ thống và hiệu quả của chính sách dân tộc qua nhiều giai đoạn.² Báo cáo World Bank (2022) cũng nhấn mạnh mức giảm mạnh của nghèo đa chiều trong nhóm DTTS, cho thấy tác động thiết thực của các chương trình mục tiêu quốc gia.³

Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với công tác lý luận, tư tưởng: phải làm rõ cơ sở triết học - chính trị của chính sách dân tộc, đồng thời xây dựng hệ thống luận cứ khoa học, thuyết phục nhằm phản bác các xuyên tạc. Đây không chỉ là nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII “về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”, mà còn là cơ sở củng cố niềm tin của Nhân dân, nhất là đồng bào DTTS, vào đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước.

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về chính sách dân tộc, phát triển vùng DTTS hay bảo tồn văn hóa, vẫn thiếu các nghiên cứu tập trung trực tiếp vào đấu tranh phản bác quan điểm sai trái từ góc nhìn triết học - chính trị. Khoảng trống này đòi hỏi những nghiên cứu hệ thống, dựa trên nền tảng lý luận Marx - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thích ứng với bối cảnh truyền thông số cũng như yêu cầu bảo vệ an ninh tư tưởng hiện nay.

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong nước đã có nhiều công trình cung cấp cơ sở khoa học quan trọng cho việc hoạch định và thực thi chính sách dân tộc, song đa phần tập trung vào phát triển kinh tế - xã hội hoặc bảo tồn văn hóa; trong khi các nghiên cứu tiếp cận vấn đề dân tộc từ góc độ triết học - chính trị và đấu tranh phản bác luận điệu sai trái còn tương đối hạn chế. Nghiên cứu của Nguyễn Quỳnh Hoa (2017) trên *Tạp chí Cộng sản* và Phan Văn Hùng⁴ (2021) trên *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc* đã phân tích tương đối toàn diện hệ thống chính sách dân tộc, chỉ ra thành tựu, thách thức và yêu cầu hoàn thiện cơ chế thực thi trong bối cảnh phát triển mới. Ở góc độ quyền con người, bài viết của Nguyễn Thu Trang và Hoàng Thị Mai Sa⁵ tiếp cận vấn đề dân tộc từ khung quyền văn hóa và quyền phát triển, qua đó khẳng định tính nhân văn, tiến bộ của chính sách dân tộc Việt Nam.

2 Nguyễn Quỳnh Hoa, “Chính sách dân tộc tại Việt Nam: Thành tựu và thách thức cần vượt qua”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, 2017

3 World Bank Group, “Vietnam Poverty and Equity Assessment – From the Last Mile to the Next Mile”, 2022, <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/publication/2022-vietnam-poverty-and-equity-assessment-report>, truy cập ngày 13/11/2025.

4 Phan Văn Hùng, “The basic and urgent issues of the ethnic minority and mountainous areas in our country today”, *Journal of Ethnic Minorities Research*, Vol. 10(1), 2021, tr. 1-6.

5 Nguyễn Thu Trang, Hoàng Thị Mai Sa, “Hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc trên quan điểm tiếp cận nhân học”, *Journal of Ethnic Minorities Research*, Vol. 8(1), tr. 26-29.

Ngoài nước, các báo cáo của World Bank (2012-2022), đặc biệt *Poverty and Equity Assessment Report*,⁶ cung cấp các phân tích định lượng về nghèo đa chiều, tiếp cận giáo dục, y tế và hạ tầng của đồng bào DTTS, cho thấy nhiều tiến bộ quan trọng, đồng thời nêu rõ các rào cản mang tính lịch sử và địa lý. Nghiên cứu của Le Van Loi đăng trên *Journal of Social Sciences and Humanities* cũng ghi nhận những kết quả tích cực của Việt Nam trong bảo đảm quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của các cộng đồng thiểu số.⁷ Các công trình này góp phần hình thành hệ thống tài liệu phong phú về chính sách dân tộc, củng cố nền tảng lý luận dựa trên chủ nghĩa Marx - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng, đoàn kết và phát triển.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại khoảng trống nghiên cứu quan trọng khi chưa có nhiều công trình tiếp cận vấn đề dân tộc từ hướng triết học - chính trị nhằm hệ thống hóa các dạng luận điệu sai trái, nhận diện thủ pháp ngôn ngữ - tư tưởng của các diễn ngôn xuyên tạc và xây dựng khung phản bác khoa học phù hợp với bối cảnh truyền thông số. Khoảng trống này tạo nên nhu cầu cấp thiết đối với các nghiên cứu lý luận chuyên sâu, gắn với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đáp ứng yêu cầu hoàn thiện chính sách dân tộc trong điều kiện toàn cầu hóa thông tin hiện nay.

2. Cơ sở lý luận

Trong lý luận của K. Mark, F. Engels và V.I. Lenin, vấn đề dân tộc được xem là một bộ phận cốt yếu của đời sống xã hội - chính trị, gắn chặt với vấn đề giai cấp và nhà nước. Theo chủ nghĩa Marx - Lenin, dân tộc là cộng đồng ổn định về lãnh thổ, ngôn ngữ, đời sống kinh tế và tâm lý, tính cách, được cố kết bởi ý thức tự giác dân tộc. Trong cuốn *Về quyền dân tộc tự quyết*, Lenin nhấn mạnh dân tộc là thực thể lịch sử cụ thể, hình thành trong tương tác giữa lực lượng sản xuất và quan hệ xã hội; đồng thời coi áp bức dân tộc là một dạng áp bức giai cấp. Vì vậy, giải phóng dân tộc phải gắn với giải phóng giai cấp và con đường xã hội chủ nghĩa.⁸

Từ nền tảng đó, Lenin xác lập ba nguyên tắc chủ yếu của chính sách dân tộc: bình đẳng dân tộc, quyền dân tộc tự quyết và liên hiệp giai cấp công nhân các dân tộc. Các nguyên tắc này vừa chống mọi hình thức kỳ thị, vừa bảo đảm quyền lựa chọn con đường phát triển của mỗi dân tộc trong khuôn khổ lợi ích chung, đồng thời củng cố tính thống nhất của nhà nước đa dân tộc. Đối với một quốc gia đa tộc người như Việt Nam thì đây là cơ sở phương pháp luận quan trọng định hình đường lối dân tộc của Đảng từ năm 1930.

Tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Marx - Lenin, bổ sung chiều sâu nhân văn và văn hóa cho vấn đề dân tộc. Tuyên ngôn “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁹ khẳng định giá trị phổ quát

6 World Bank Group, *ltd*.

7 Le Van Loi, “Ensuring the economic, social and cultural rights of ethnic minorities in Vietnam in the context of globalization and international integration”, *Journal of Social Sciences and Humanities*, 2018.

8 V. I. Lenin, *Toàn tập*, tập 25, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2005, tr. 301-376.

9 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 1.

của quyền dân tộc, đồng thời nhấn mạnh đoàn kết, tôn trọng bản sắc và chăm lo đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Ba nguyên tắc cốt lõi: bình đẳng, đoàn kết và phát huy văn hóa trở thành nền tảng trực tiếp cho chính sách dân tộc của Đảng, được thể chế hóa trong Hiến pháp 2013 và Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Từ cơ sở lý luận đó, chính sách dân tộc của Việt Nam được xác định là bộ phận hữu cơ của đường lối cách mạng, nhằm bảo đảm bình đẳng, đoàn kết và phát triển hài hòa giữa các dân tộc, kết hợp phát triển kinh tế xã hội với quốc phòng, an ninh. Chính sách này vừa phù hợp đặc thù lịch sử văn hóa Việt Nam, vừa tương thích chuẩn mực quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của các cộng đồng bản địa.

Như vậy, cơ sở lý luận của chính sách dân tộc Việt Nam không chỉ định hướng mục tiêu và phương thức phát triển mà còn là nền tảng để phân tích, nhận diện và bác bỏ các quan điểm sai trái. Việc làm rõ cơ sở này là tiền đề triển khai các phần tiếp theo của bài viết, bao gồm phân loại các nhóm luận điệu xuyên tạc và xây dựng hệ thống luận cứ phản bác có cơ sở khoa học.

3. Thực trạng chính sách dân tộc và biểu hiện của các quan điểm sai trái, thù địch

Từ sau Đổi mới, đặc biệt từ Nghị quyết số 24-NQ/TW (2003) và Văn kiện Đại hội XIII, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước được hoàn thiện theo hướng chiến lược, toàn diện và bền vững. Hiến pháp năm 2013 hiến định nguyên tắc bình đẳng, cấm kỳ thị, bảo đảm quyền phát triển toàn diện cho đồng bào dân tộc thiểu số. Trên cơ sở đó, chính sách dân tộc hiện nay tập trung vào bốn trụ cột: bảo đảm quyền bình đẳng; phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa; và kết hợp phát triển với quốc phòng, an ninh tại các địa bàn chiến lược.

Dưới tác động của các chính sách này, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số chuyển biến rõ rệt. Báo cáo *Vietnam Poverty and Equity Assessment 2022* của Ngân hàng Thế giới cho thấy tỷ lệ nghèo của nhóm dân tộc thiểu số giảm mạnh từ khoảng 73% cuối thập niên 1990 xuống còn gần 28% năm 2020.¹⁰ Cùng với giảm nghèo đa chiều, đầu tư hạ tầng, mở rộng giáo dục - y tế và hỗ trợ sinh kế, Việt Nam đạt tiến bộ đáng kể trong bảo đảm quyền văn hóa, được ghi nhận trong nghiên cứu *Ensuring the Economic, Social and Cultural Rights of Ethnic Minorities in Vietnam* (2018).¹¹

Về an ninh quốc phòng, vùng dân tộc thiểu số, nhất là khu vực biên giới, giữ vai trò chiến lược. Các mô hình khu kinh tế quốc phòng, định canh định cư và tăng cường lực lượng biên phòng đã góp phần củng cố “thế trận lòng dân”. Tuy nhiên, khoảng cách phát triển giữa vùng dân tộc thiểu số với vùng

10 World Bank Group, *ltd.*

11 Le Van Loi, *ltd.*

động lực vẫn lớn;¹² một số chính sách còn chòng chéo; năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở chưa đồng đều; và các vấn đề như di cư tự do, đất đai, tôn giáo tiếp tục gây sức ép quản lý. Những khó khăn khách quan này thường bị tách khỏi bối cảnh, trở thành chất liệu cho các diễn giải xuyên tạc.

Trong bối cảnh truyền thông số, chính sách dân tộc là một trong những trọng điểm có nguy cơ bị công kích bởi các lực lượng thù địch. Ba yếu tố tạo điều kiện cho sự lan rộng của các quan điểm sai trái gồm: tính nhạy cảm vốn có của vấn đề dân tộc; xu hướng “nhân quyền hóa” để quy giản khó khăn phát triển thành “vi phạm nhân quyền” và việc lợi dụng mạng xã hội để phát tán thông tin sai lệch, kích động ly khai, tự trị. Qua khảo sát diễn ngôn trên không gian mạng, có thể nhận diện bốn nhóm luận điệu chính: phủ nhận cơ sở lý luận và tính nhân văn của chính sách dân tộc; bóp méo thực tiễn giảm nghèo và phát triển vùng dân tộc thiểu số; kích động ly khai dựa trên một số đặc điểm văn hóa – lịch sử; gắn vấn đề dân tộc với tôn giáo, nhân quyền nhằm tạo hiệu ứng chia rẽ.¹³

Những luận điệu này không chỉ làm suy giảm niềm tin của một bộ phận đông đảo dân tộc thiểu số, nhất là thanh niên, mà còn đe dọa ổn định chính trị – xã hội và hình ảnh quốc tế của Việt Nam. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược và thông tin toàn cầu hóa, việc nhận diện đúng, phân loại rõ các nhóm quan điểm sai trái là điều kiện tiên quyết để xây dựng hệ thống phản bác khoa học.

4. Phân tích và phản bác các quan điểm sai trái từ góc độ triết học – chính trị

Trong tiếp cận triết học – chính trị Marx – Lenin, vấn đề dân tộc không chỉ là vấn đề kinh tế – xã hội hay văn hóa, mà là một hiện tượng lịch sử – xã hội gắn với cấu trúc giai cấp, hình thức nhà nước và mục tiêu giải phóng con người. Lenin khẳng định quyền dân tộc tự quyết phải được đặt trong vận động

12 “Vùng động lực” là thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong các văn kiện chính sách phát triển của Việt Nam, đặc biệt từ sau Đại hội XIII của Đảng và trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển vùng. Về nội hàm, “vùng động lực” (hay đầy đủ hơn là “vùng kinh tế động lực”) chỉ những khu vực địa lý có mức độ phát triển kinh tế cao, hạ tầng hiện đại, năng lực đổi mới sáng tạo mạnh và đóng vai trò đầu tàu kéo theo sự phát triển của các vùng lân cận cũng như cả nước. Đây là những vùng tập trung các đô thị lớn, khu công nghiệp, trung tâm tài chính, giáo dục và khoa học công nghệ, tạo ra phần lớn GDP quốc gia. Trong thực tế Việt Nam hiện nay, các vùng động lực chủ yếu bao gồm Hà Nội và vùng Đồng bằng sông Hồng, TP. Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, Đà Nẵng và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, cùng Cần Thơ với vai trò trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển vùng Đông Nam Bộ, nằm trong chuỗi sáu nghị quyết về phát triển sáu vùng kinh tế xã hội, trong đó xác định rõ các “cực tăng trưởng” và “vùng động lực” của quốc gia. Theo đó “khoảng cách phát triển giữa vùng dân tộc thiểu số với vùng động lực” là sự chênh lệch còn lớn giữa những khu vực miền núi, biên giới nơi đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống (thường có hạ tầng yếu, kinh tế khó khăn, tiếp cận dịch vụ công hạn chế) với những trung tâm kinh tế phát triển nhất cả nước. Đây là khoảng cách mang tính cấu trúc, bắt nguồn từ yếu tố địa lý, lịch sử và xuất phát điểm phát triển, chứ không phải là hệ quả của sự phân biệt đối xử trong chính sách, như một số luận điệu sai trái cố tình xuyên tạc.

13 Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ rằng các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới, cùng với các báo cáo tổng kết công tác dân tộc của Ủy ban Dân tộc qua các năm, cũng ghi nhận cụ thể các hình thức lợi dụng vấn đề dân tộc để kích động ly khai và chia rẽ.

của chủ nghĩa tư bản và cách mạng vô sản, không thể hiểu tách rời hay tuyệt đối hóa như một giá trị siêu lịch sử. Vì vậy, các quan điểm sai trái về chính sách dân tộc thực chất là những xuyên tạc nền tảng tư tưởng - chính trị của Đảng, cần được phản bác trên cả bình diện nguyên lý và phương pháp luận.

Từ khung lý luận đó, có thể nhận diện nguy cơ bốn nhóm luận điệu sai trái chủ yếu.¹⁴ *Thứ nhất*, xuyên tạc cơ sở lý luận của chính sách dân tộc, điển hình là cáo buộc “đồng hóa”. Đây là sự bóp méo nguyên tắc tự quyết trong chủ nghĩa Marx - Lenin khi tách rời khỏi yêu cầu thống nhất dân tộc và bối cảnh lịch sử Việt Nam - một quốc gia đa dân tộc cùng hình thành qua quá trình dựng nước. Điều 5 Hiến pháp 2013 khẳng định bình đẳng dân tộc, cấm mọi kỳ thị, cho thấy mô hình nhà nước đơn nhất không đồng nghĩa với áp đặt.¹⁵ Tư tưởng Hồ Chí Minh càng bác bỏ luận điệu này khi nhấn mạnh tôn trọng và phát huy bản sắc của các dân tộc thiểu số.

Thứ hai, bóp méo thực tiễn đời sống vùng dân tộc thiểu số bằng cách chọn lọc các trường hợp cực đoan để quy kết thành tổng thể. Dữ liệu khách quan của Ngân hàng thế giới cho thấy tỷ lệ nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số đã giảm mạnh từ hơn 70% cuối thập niên 1990 xuống khoảng 28% năm 2020; hạ tầng, giáo dục và y tế cải thiện đáng kể.¹⁶ Việc quy mọi chênh lệch thành “phân biệt đối xử” là sự giản lược thô, bỏ qua các yếu tố địa lý - lịch sử vốn chi phối phát triển vùng dân tộc thiểu số.

Thứ ba, kích động ly khai dựa trên lối suy diễn từ các cấu trúc tiền hiện đại hoặc đặc thù văn hóa. Từ góc độ sử học và chính trị học, quốc gia hiện đại - như phân tích của Benedict Anderson - là một cộng đồng được kiến tạo qua lịch sử chung và thiết chế chung, không phải sự kéo dài cơ học của các tiểu quốc cổ. Việt Nam đã thiết lập các cơ chế đại diện để bảo đảm tiếng nói của đồng bào dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị.¹⁷

14 Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị đã nhận diện rõ ràng các dạng thức chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, trong đó nêu cụ thể việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền; Văn kiện Đại hội XIII (2021) tiếp tục khẳng định yêu cầu “kiên quyết đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch” và xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm; Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW (2003) về công tác dân tộc (do Ủy ban Dân tộc phối hợp thực hiện) cũng đã chỉ ra các biểu hiện cụ thể của việc lợi dụng vấn đề dân tộc để xuyên tạc, kích động.

15 *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013, tr. 2.

16 Theo dữ liệu khách quan của Ngân hàng Thế giới cho thấy tỷ lệ nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số đã giảm đáng kể qua các giai đoạn: từ mức rất cao vào cuối thập niên 1990 xuống còn 37% năm 2018 và tiếp tục giảm đến năm 2020; hạ tầng, giáo dục và y tế cải thiện rõ rệt. Xem World Bank, *From the last mile to the next mile – 2022 Vietnam poverty & equity assessment*, Washington, DC: World Bank, 2022, tr. 1, 3, 8 (Figure O.1 và Figure O.10).

17 Ví dụ về cơ chế, quy định:

- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội là cơ quan chuyên trách cao nhất về vấn đề dân tộc trong hệ thống lập pháp, được quy định tại Điều 75 Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Hội đồng Dân tộc có quyền thẩm tra dự án luật, kiến nghị về chính sách dân tộc, giám sát việc thực hiện chính sách dân tộc, và đặc biệt, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc phải là người dân tộc thiểu số. Ngoài ra, tỷ lệ đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số luôn được đảm bảo cao hơn tỷ lệ dân số: ví dụ, Quốc hội khóa XV (2021 đến 2026) có 89 đại biểu người dân tộc thiểu số, chiếm 17,84% tổng số đại biểu, trong khi dân tộc thiểu số chiếm khoảng 14,7% dân số cả nước. Đây là kết quả của quy định về cơ cấu, thành phần đại biểu theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước mỗi kỳ bầu cử;

Thứ tư, gắn vấn đề dân tộc với tôn giáo và nhân quyền để công kích chính trị. Các cáo buộc “đàn áp tôn giáo”, “hạn chế tự do cư trú” bỏ qua khung pháp lý của Hiến pháp năm 2013, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và các biện pháp quản lý di cư nhằm bảo đảm ổn định và phát triển bền vững.

Về phương pháp, phản bác các luận điểm sai trái phải dựa trên ba trụ cột: thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý; đánh giá chính sách trong bối cảnh lịch sử - xã hội cụ thể; vai trò của Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong bảo đảm bình đẳng dân tộc, ổn định chính trị và phát triển bền vững. Khi soi chiếu vào những nguyên tắc này, các luận điệu sai trái bộc lộ tính phi logic, thiếu căn cứ và mang động cơ chính trị rõ rệt.

Do đó, việc hệ thống hóa và phản bác các quan điểm thù địch về chính sách dân tộc không chỉ là yêu cầu khoa học, mà còn là nhiệm vụ trọng yếu trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và củng cố đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh truyền thông số và cạnh tranh chiến lược hiện nay.

5. Giải pháp tăng cường đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch

Nhìn từ giác độ triết học - chính trị, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái về chính sách dân tộc không chỉ là hoạt động “sửa sai thông tin”, mà gắn trực tiếp với nhiệm vụ củng cố nền tảng tư tưởng và nâng cao năng lực miễn dịch thông tin của toàn xã hội. Các nhóm giải pháp sau được đề xuất trên tinh thần kết hợp lý luận, truyền thông, chính sách, an ninh, đối ngoại, phù hợp tinh thần Nghị quyết số 24-NQ/TW và tổng kết 15 năm thực hiện nghị quyết.

- Nhóm giải pháp lý luận - tư tưởng

Một hạn chế hiện nay là thiếu các nghiên cứu triết học - chính trị chuyên sâu về vấn đề dân tộc và cơ chế vận hành của diễn ngôn sai trái. Do đó, cần đẩy mạnh nghiên cứu học thuật về dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa và truyền thông số; xây dựng khung phân tích lý luận về “diễn ngôn sai trái”, làm rõ ngôn ngữ, cấu trúc ngụy biện và đặc điểm khuếch tán thông tin thù địch trên mạng xã hội. Trên cơ sở đó, cần xây dựng một bộ luận cứ chuẩn gồm: dữ liệu chính thức về giảm nghèo và phát triển vùng dân tộc thiểu số; luận điểm triết học - chính trị từ chủ nghĩa Marx - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Văn kiện Đại hội XIII; cùng hệ thống mô hình phản bác theo từng nhóm luận điệu. Bộ luận cứ này phải được cập nhật thường xuyên để tránh tụt hậu so với diễn biến truyền thông số.

- Ủy ban Dân tộc (trước đây là Hội đồng Dân tộc thuộc Chính phủ) là cơ quan ngang bộ chuyên trách về công tác dân tộc, được thành lập theo Nghị định số 53/2004/NĐ-CP và hiện hoạt động theo Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân cùng các nghị định chức năng liên quan. Ủy ban có nhiệm vụ tham mưu cho Chính phủ về chính sách dân tộc, quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên phạm vi cả nước, và chủ trì thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 đến 2030 (theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội).

- Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015, tại Điều 8 và Điều 9, quy định rõ về đảm bảo tỷ lệ đại biểu người dân tộc thiểu số trong cơ cấu đại biểu các cấp. Bên cạnh đó, Quyết định số 402/QĐ-TTg năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới, đặt mục tiêu cụ thể về tỷ lệ cán bộ DTTS trong bộ máy nhà nước các cấp;

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thông qua hệ thống các ban công tác Mặt trận ở cơ sở, thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội về chính sách dân tộc. Quy chế hoạt động của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thay thế bởi Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg) tạo cơ chế chính thức để những nhân vật có ảnh hưởng trong cộng đồng DTTS tham gia vào quá trình tuyên truyền, vận động, phản ánh ý kiến và nguyện vọng của đồng bào đến các cấp chính quyền.

- *Nhóm giải pháp truyền thông - giáo dục: tăng cường “miễn dịch thông tin”*

Truyền thông về chính sách dân tộc cần chuyển mạnh sang hình thức đa phương tiện, lấy câu chuyện thực tế làm trung tâm; phát triển video ngắn, đồ họa, phóng sự về mô hình phát triển, gương dân tộc thiểu số tiêu biểu; khuyến khích học sinh - sinh viên dân tộc thiểu số sáng tạo nội dung số về văn hóa cộng đồng. Trong giáo dục lý luận chính trị, cần đưa nội dung đấu tranh chống luận điệu sai trái vào chương trình các môn Marx - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng; sử dụng phương pháp phân tích tình huống, nhận diện nguy hiểm và phản biện khoa học. Người có uy tín trong cộng đồng cần được bồi dưỡng kỹ năng truyền thông, xử lý tin giả, làm hạt nhân lan tỏa thông tin chính thống tại cơ sở.

- *Nhóm giải pháp về hoàn thiện chính sách dân tộc*

Việc tổng kết Nghị quyết số 24-NQ/TW cần gắn với xây dựng khung chính sách mới phù hợp bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chuyển đổi số. Cần rà soát khắc phục sự chùng chéo pháp lý; ưu tiên nguồn lực cho Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030; tiếp tục đầu tư hạ tầng thiết yếu, dịch vụ công, chuyển đổi số, sinh kế xanh và mô hình kinh tế dựa trên lợi thế bản địa. Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số với kỹ năng quản trị, kỹ năng số và xử lý vấn đề dân tộc - tôn giáo là giải pháp then chốt để tăng tính “đề kháng xã hội” ngay tại cơ sở.

- *Nhóm giải pháp an ninh, quản trị xã hội vùng dân tộc thiểu số*

Cần hoàn thiện cơ chế dự báo, cảnh báo sớm các luận điệu thù địch thông qua ứng dụng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo; tăng cường phối hợp chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành. Chính quyền cơ sở cần nâng cao năng lực đối thoại, hòa giải, xử lý mâu thuẫn từ sớm, từ xa; lực lượng công an xã, dân quân, biên phòng phải gắn công tác bảo vệ an ninh với hiểu biết văn hóa - phong tục địa phương. Ở vùng biên giới, cần kết hợp kiểm soát biên giới với phát triển kinh tế và xây dựng “vành đai lòng dân”.

- *Nhóm giải pháp đối ngoại và truyền thông quốc tế*

Việt Nam cần chủ động công bố báo cáo tiếng Anh về tình hình phát triển vùng dân tộc thiểu số, mở rộng dữ liệu về nghèo đa chiều, dịch vụ công, quyền văn hóa; mời các tổ chức quốc tế khảo sát thực địa; đối thoại với tinh thần xây dựng, dựa trên chuẩn mực quốc tế và số liệu thực chứng. Đồng thời, cần khuyến khích học giả Việt Nam tham gia công bố quốc tế, tạo dựng “diễn ngôn đối trọng” trước các báo cáo thiên lệch.

- *Một số khuyến nghị dài hạn*

Cần phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số gắn với chuyển đổi số và kinh tế tri thức; xây dựng “vành đai văn hóa dân tộc” thông qua lễ hội, du lịch văn hóa, sản phẩm thủ công nghệ thuật bản địa nhằm tạo “lá chắn mềm” từ văn hóa và cộng đồng.

Những nhóm giải pháp này hướng tới hình thành một “lá chắn tổng hợp” trước các quan điểm sai trái về chính sách dân tộc, trong đó lý luận chuẩn, thông tin chính xác, chính sách hiệu quả, sự đồng thuận của đồng bào và sự hiểu biết đúng đắn của quốc tế là những trụ cột cốt lõi, tạo nền tảng cho việc bảo vệ và phát triển chính sách dân tộc của Đảng trong bối cảnh mới.

Kết luận

Vấn đề dân tộc là vấn đề chiến lược, xuyên suốt và có ý nghĩa sống còn đối với một quốc gia đa dân tộc như Việt Nam. Ngay từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định công tác dân tộc và chính sách dân tộc là bộ phận hữu cơ của đường lối cách mạng, gắn chặt với mục tiêu độc lập dân tộc, thống nhất quốc gia và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chính sách dân tộc vì vậy có nền tảng lý luận vững chắc của chủ nghĩa Marx - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh và được định hình từ thực tiễn lịch sử văn hóa lâu dài của cộng đồng 54 dân tộc.

Quyền tự quyết theo Lenin không bao hàm quyền ly khai vô điều kiện; tư tưởng Hồ Chí Minh đề cao đoàn kết dân tộc như quy luật thắng lợi của cách mạng; và thực tiễn nhiều thập niên qua chứng minh chính sách dân tộc của Việt Nam mang tính nhân văn, tiến bộ, thể hiện qua giảm nghèo bền vững, phát triển hạ tầng, nâng cao đời sống, bảo tồn văn hóa và củng cố quốc phòng - an ninh vùng dân tộc thiểu số.

Từ góc độ triết học - chính trị, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái không chỉ dừng ở việc chỉ ra chỗ sai của luận điệu, mà phải làm rõ động cơ, cơ chế vận hành và mục tiêu phá hoại trong không gian tư tưởng và truyền thông.

Bên cạnh đó, thực tiễn chính sách dân tộc vẫn còn một số hạn chế khách quan và chủ quan như chênh lệch phát triển, chất lượng hạ tầng, nhân lực vùng dân tộc thiểu số hay sự chông chéo trong một số văn bản chính sách. Những hạn chế này cần được nhận diện đầy đủ để tiếp tục khắc phục, đồng thời ngăn ngừa việc bị lợi dụng để xuyên tạc bản chất của chính sách dân tộc.

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện: củng cố nền tảng lý luận; tăng cường truyền thông và giáo dục; hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu quả thực thi; phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; tăng cường cảnh báo, dự báo thông tin xấu độc; phát huy vai trò người có uy tín; mở rộng đối ngoại và hình thành diễn ngôn học thuật đối trọng. Đây là các giải pháp có tính chiến lược và lâu dài trong bối cảnh mới. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Quỳnh Hoa, “Chính sách dân tộc tại Việt Nam: Thành tựu và thách thức cần vượt qua”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, 2017 [trans: Nguyen Quynh Hoa, “Ethnic Policy in Vietnam: Achievements and Challenges to Overcome”, *Communist Electronic Magazine*, 2017]
- [2] Phan Van Hung, “The basic and urgent issues of the ethnic minority and mountainous areas in our country today”, *Journal of Ethnic Minorities Research*, Vol. 10(1), 2021
- [3] V.I.Lenin, *Toàn tập*, tập 25, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội [trans: V.I.Lenin, *Complete Works*, Vol. 25, National Political Publishing House - Truth, Hanoi, 2005]
- [4] Le Van Loi, “Ensuring the Economic, Social and Cultural Rights of Ethnic Minorities in Vietnam in the Context of Globalization and International Integration”, *The Journal of social sciences and humanities*, 2018
- [5] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011 [trans: Ho Chi Minh: *Complete Works*, Vol. 4, National Political Publishing House - Truth, Hanoi, 2011]
- [6] Nguyễn Thu Trang, Hoàng Thị Mai Sa, “Hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc trên quan điểm tiếp cận nhân học”, *Journal of Ethnic Minorities Research*, Vol. 8(1) [trans: Nguyen Thu Trang, Hoang Thi Mai Sa, “Planning and implementing ethnic policies from an anthropological perspective”, *Journal of Ethnic Minorities Research*, Vol. 8(1)]
- [7] World Bank Group, “Vietnam Poverty and Equity Assessment – From the Last Mile to the Next Mile”, 2022